

Số: 20 /KH-UBND

Thái Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại của các Chủ nguồn thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600kg/năm trên địa bàn tỉnh Thái Bình

I. THỰC TRẠNG PHÁT SINH, QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại chủ yếu từ các lĩnh vực sau:

1. Lĩnh vực y tế

Tuyên tỉnh có 10 bệnh viện, trong đó có 01 Bệnh viện Đa khoa tỉnh, 01 Trung tâm Vận chuyển cấp cứu 115 và 08 Bệnh viện chuyên khoa bao gồm: Phụ sản, Nhi, Y học cổ truyền, Tâm thần, Phổi, Phong - Da liễu Văn Môn, Điều Dưỡng - Phục hồi chức năng, Mắt; tuyên huyện có 12 bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện, thành phố bao gồm BVĐK: Thành phố, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Nam Tiền Hải, Đông Hưng, Thái Thụy, Thái Ninh, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Hưng Hà và Hưng Nhân.

Khối y tế dự phòng: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Da liễu, Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Giám định pháp y, Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và 08 Trung tâm Y tế tuyên huyện, thành phố. Tuyên xã có 286 Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Cơ sở y tế tư nhân: Bệnh viện Đa khoa tư nhân Lâm Hoa, Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàng An và 116 cơ sở y tế tư nhân tham gia vào công tác khám, chữa bệnh và cung ứng các dịch vụ y tế khác, các cơ sở này đều là các phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa, thực hiện một số kỹ thuật y tế và các dịch vụ cận lâm sàng phục vụ cho chuẩn đoán và điều trị.

Tổng khối lượng chất thải y tế (CTYT) phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa tỉnh Thái Bình khoảng 2.675,305 tấn/năm ($\approx 7.329,602$ kg/ngày), trong đó 414,959 tấn/năm ($\approx 1.136,873$ kg/ngày) chất thải rắn y tế nguy hại (Chi tiết tại Phụ lục 1).

Thành phần chất thải y tế nguy hại bao gồm: Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm, chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm, chất gây độc tế bào và chất thải chứa kim loại nặng (Chi tiết tại Phụ lục 2).

2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Trên địa bàn tỉnh có khoảng 35 cơ sở sản xuất, kinh doanh có số lượng chất thải nguy hại phát sinh lớn hơn 600 kg/năm; khoảng 650 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600 kg/năm, với tổng lượng CTNH khoảng 22.746 kg/năm, thuộc các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; gồm:

- Sản xuất cơ khí: Có 22 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình 125 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau có nhiễm dầu, que hàn, xỉ hàn, cặn sơn phủ bề mặt...;

- Sản xuất dệt, may: Thái Bình hiện có 45 doanh nghiệp có quy mô công nghiệp (trong tổng số khoảng 234 doanh nghiệp hoạt động sản xuất dệt may và da giày), với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 42 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu, nhớt thải và giẻ lau có nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng...;

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Có 24 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 50 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu, nhớt thải và giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình giao thông: Có 12 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 25 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, dầu, nhớt thải và giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Sản xuất điện tử, năng lượng: Có 08 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 120 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, dầu máy biến áp thải và giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 90 doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và 03 doanh nghiệp kinh doanh khí hóa lỏng, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 25 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là cặn dầu thải, nước thải nhiễm dầu và giẻ lau nhiễm dầu.

- Sản xuất chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ: Có 22 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 240 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ bôi trơn thải, giẻ lau có nhiễm dầu, bùn nghiền đánh bóng.

- Sản xuất chế biến, nuôi trồng thủy sản: Có 19 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 100 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, bao bì đựng hóa chất thải, dầu nhớt thải, giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi: Có 09 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 10 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là

bao bì đựng hóa chất thải trong chế biến thức ăn chăn nuôi, hóa chất chống mốc...;

- Sản xuất, kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật: Có khoảng 120 cơ sở (trừ các điểm kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhỏ lẻ), với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 25 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bao bì đựng phân thuốc bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng...;

- Sản xuất bao bì, in ấn: Có 09 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 24 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang, máy vi tính hỏng...;

- Các nhóm ngành khác (chợ, dịch vụ sửa ô tô, xe máy,...): Trên 300 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 10 -15 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu, nhớt thải, giẻ lau có nhiễm dầu, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin...

3. Từ hoạt động sinh hoạt

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình mỗi xã khoảng 1,5 - 1,8 tấn/ngày, thị trấn 4,5 - 6 tấn/ngày, thành phố Thái Bình 130 tấn/ngày, tổng lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay khoảng 620 tấn/ngày; trong đó có khoảng 0,7% ($\approx 4,34$ tấn/ngày) tổng lượng rác thải sinh hoạt có chứa thành phần nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; các chất thải nguy hại chủ yếu: Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in thải, pin đã qua sử dụng, chai lọ đựng hóa chất nguy hại... (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

CTNH phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày được các hộ gia đình thải bỏ cùng với rác thải sinh hoạt thông thường và được thu gom, xử lý như rác thải sinh hoạt thông thường. Các xã, thị trấn đầu tư khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đã bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại. Tuy nhiên, việc lưu giữ chất thải nguy hại tại các khu xử lý rác chưa được đúng quy định; nhiều khu xử lý rác thải, chất thải nguy hại được lưu giữ nhiều năm nhưng không được xử lý do không có nguồn kinh phí hoặc không ký được hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý do khối lượng ít.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị nào thực hiện việc đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở để xử lý chất thải nguy hại được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Lượng chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh đều được chuyển giao cho các đơn vị xử lý chất thải nguy hại thuộc các tỉnh (Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa...) thu gom, vận chuyển và xử lý. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường cho thấy chỉ có các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh lượng CTNH với khối lượng lớn là thực

hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có số lượng CTNH phát sinh với khối lượng nhỏ (≤ 600 kg/năm) gặp rất nhiều khó khăn trong việc ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý, hầu hết số lượng chất thải nguy hại phát sinh vẫn được thu gom, lưu giữ tại cơ sở.

Đối với chất thải rắn y tế nguy hại, hiện tại đang áp dụng đồng thời 2 mô hình xử lý (Mô hình xử lý tại chỗ và thuê đơn vị có đủ chức năng theo quy định để xử lý). Tuy nhiên, với 02 mô hình xử lý trên chất thải y tế nguy hại vẫn chưa được xử lý triệt để, nguyên nhân là do mô hình xử lý tại chỗ áp dụng phương pháp đốt bằng lò đốt đầu tư từ nguồn Trái phiếu Chính phủ cho 13/21 bệnh viện của tỉnh (Bệnh viện phổi; Bệnh viện Phong Da liễu Văn Môn; các BVĐK tuyến huyện: Hưng Hà, Hưng Nhân, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Thái Thụy, Thái Ninh, Đông Hưng, Kiến Xương, Tiền Hải, Nam Tiền Hải, Vũ Thư), chất thải sau xử lý chưa đảm bảo quy chuẩn quy định và hầu hết các lò đốt đã xuống cấp hoặc hư hỏng; các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế xã, phường, thị trấn còn lại không được đầu tư lò đốt thì thực hiện ký hợp đồng thuê đơn vị có đủ chức năng theo quy định để xử lý, song việc ký hợp đồng chỉ được thực hiện ở một số bệnh viện có khối lượng phát sinh chất thải nguy hại lớn (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phụ Sản...), còn các cơ sở khám chữa bệnh (kể cả cơ sở y tế tư nhân), trạm y tế xã, phường, thị trấn chưa ký hợp đồng do số lượng chất thải nguy hại phát sinh ít, lại ở cách xa nhau, khó khăn cho thu gom, nên đơn vị có đủ năng lực nhận chuyển giao, xử lý không tiến hành ký hợp đồng, vì ký sẽ không có lợi nhuận hoặc giá thành vận chuyển, xử lý cao; nên chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở khám chữa bệnh, trạm y tế vẫn được xử lý như chất thải thông thường hoặc chôn tại quỹ đất của trạm y tế.

Từ thực trạng nêu trên, thực hiện Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 654/TTr-STNMT ngày 19/12/2017, Công văn số 76/STNMT-CCMT ngày 11/01/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại của các Chủ nguồn thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600/kg năm trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại;

- Từng bước nâng cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh; các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh trong công tác thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600kg/năm được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có giấy phép xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là đơn vị xử lý CTNH) thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định; giảm chi phí trong việc thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với đơn vị xử lý CTNH đối với từng cơ sở sản xuất, kinh doanh; các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh.

2.2. Yêu cầu:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh, các trạm y tế xã, phường, thị trấn; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Các chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải thực hiện thu gom, phân loại chất thải nguy hại theo đúng mã, lưu giữ trong khu lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT trước khi chuyển giao cho đơn vị vận chuyển, xử lý hoặc vận chuyển về cơ sở cụm xử lý.

3. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

3.1. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại:

3.1.1. Danh mục và mã chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 (A) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

3.1.2. Thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại:

a. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại:

- Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại phải bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa;

- Màu sắc của bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế quy định như sau: Màu vàng đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm; màu đen đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm; màu xanh đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế thông thường; màu trắng đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải tái chế.

- Bao bì, dụng cụ đựng chất thải y tế sử dụng phương pháp đốt không làm bằng nhựa PVC.

- Thùng, hộp đựng chất thải sắc nhọn phải có thành, đáy cứng không bị xuyên thủng; thùng, hộp đựng chất thải có thể tái sử dụng theo đúng mục đích lưu chứa sau khi đã được làm sạch và để khô.

b. Thu gom, vận chuyển và lưu giữ trong cơ sở y tế:

- Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom; đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm: Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế, thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại cơ sở y tế không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về để xử lý theo mô hình cụm hoặc mô hình tập trung, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20°C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

c. Vận chuyển chất thải nguy hại bên ngoài cơ sở y tế:

Thu gom chất thải rắn y tế nguy hại được tiến hành theo tuyến đường trong cụm, căn cứ vào khoảng cách địa lý giữa các cơ sở y tế một cách hợp lý nhất.

Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế trong cụm đến cơ sở xử lý tập trung cho cụm phải thực hiện bằng các hình thức sau: Cơ sở y tế trong cụm thuê đơn vị bên ngoài có giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để thực hiện vận chuyển chất thải của cơ sở y tế đến cơ sở xử lý cho cụm. Trường hợp cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển chất thải y tế nguy hại đến cơ sở xử lý cho cụm phải đáp ứng các quy định sau: Thiết bị vận chuyển phải có thành, đáy, nắp kín, kết cấu cứng, chịu được va chạm, không bị rách vỡ bởi trọng lượng chất thải, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển; có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

3.1.3. Xử lý chất thải y tế nguy hại

a. Tự xử lý chất thải y tế nguy hại:

Các cơ sở y tế đã được đầu tư lò đốt chất thải y tế, công suất 30kg/giờ; hiện tại vẫn đang hoạt động và được kiểm định, đánh giá bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN 02/2012/BTNMT; thực hiện hình thức tự xử lý chất thải y tế nguy hại trong khuôn viên cơ sở y tế.

b. Xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế:

Các cơ sở y tế không có lò đốt chất thải y tế, không có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại khác bảo đảm quy định theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, thì thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm có đủ điều kiện theo quy định để xử lý cho cả cụm) hoặc tiến hành ký hợp đồng chuyển giao với đơn vị có Giấy phép xử lý CTNH phù hợp theo quy định để thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế trong cụm, cụ thể:

- Khối bệnh viện tỉnh:

Cụm 1, gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện phục hồi chức năng, Trung Y tế dự phòng, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Kiểm nghiệm mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm, Trung tâm Da liễu, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS.

- Khối bệnh viện huyện:

+ Cụm 2, gồm: Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà, bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân; Trung tâm Y tế Hưng Hà; các trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn huyện Hưng Hà;

+ Cụm 3, gồm: Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ, Trung tâm Y tế Quỳnh Phụ, Bệnh viện Đa khoa Phụ Dực, Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng, Trung tâm Y tế Đông Hưng; các Trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn huyện Quỳnh Phụ, Đông Hưng;

+ Cụm 4, gồm: Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy, Trung tâm Y tế Thái Thụy, Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh; các trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn huyện Thái Thụy;

+ Cụm 5, gồm: Bệnh viện Đa khoa Thành phố, Trung tâm Y tế Thành phố; các trạm y tế phường, xã và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn thành phố;

+ Cụm 6, gồm: Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư, Bệnh viện Phong - Da liễu Văn môn, Trung tâm y tế Vũ Thư; các trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn huyện Vũ Thư;

+ Cụm 7, gồm: Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương, Trung tâm Y tế Kiến Xương; các trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn huyện Kiến Xương;

+ Cụm 8, gồm: Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải, Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải, Trung tâm Y tế Tiền Hải; các trạm y tế xã, thị trấn và các cơ sở khám chữa bệnh khác thuộc địa bàn huyện Tiền Hải.

3.2. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH đối với các chủ nguồn thải CTNH có số lượng CTNH phát sinh thấp hơn 600 kg/năm

3.2.1. Danh mục và mã chất thải nguy hại

Danh mục và mã chất thải nguy hại được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

3.2.2. Thu gom, vận chuyển và xử lý

Chất thải nguy hại của các chủ nguồn thải CTNH có số lượng CTNH phát sinh thấp hơn 600 kg/năm được tiến hành thu gom, vận chuyển theo tuyến đường hoặc phân chia theo cụm, căn cứ vào khoảng cách địa lý giữa các chủ nguồn thải một cách hợp lý nhất.

Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ báo cáo lần đầu của các chủ nguồn thải CTNH có số lượng CTNH phát sinh thấp hơn 600 kg/năm theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT để lập danh sách và phân vùng thu gom, vận chuyển xử lý CTNH bảo đảm hợp lý nhất (trừ các chủ nguồn thải CTNH tự ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp).

a. Lịch trình thu gom:

Định kỳ hàng quý hoặc hàng năm (ít nhất một lần/năm), Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức cho các đơn vị có Giấy phép xử lý CTNH đến thu gom CTNH phát sinh tại cơ sở sản xuất, kinh doanh trong tỉnh để vận chuyển xử lý.

b. Vận chuyển, xử lý:

Theo lịch trình (về tuyến đường, thời điểm, địa điểm thu gom,...) do Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị vận chuyển, xử lý được lựa chọn xây dựng; các phương tiện thu gom CTNH của đơn vị xử lý CTNH sẽ đến từng cơ sở để thu gom và vận chuyển CTNH đi xử lý.

3.3. Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

3.3.1. Danh mục và mã chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và bao gói thuốc bảo vệ thực vật

Danh mục và mã chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ gia đình và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được quy định tại Mục 14, 16 Phụ lục 01(C) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

3.3.2. Thu gom, vận chuyển và xử lý

* CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải, chất keo thu hồi từ bộ lọc khí thải của lò đốt rác..., được thu gom về Khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung của xã; tại đây được phân loại và lưu giữ riêng trong khu lưu giữ CTNH của Khu xử lý rác.

* Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thu gom về bể chứa bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT - BNNPTNT - BTNM ngày 16/05/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hướng dẫn số 994/STNMT-CCBVM ngày 31/5/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thu gom, vận chuyển (ít nhất một lần/năm) thông qua đội vệ sinh môi trường của xã, phường, thị trấn về khu lưu giữ CTNH tại Khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung của xã.

* Việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ gia đình, cá nhân và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thực hiện tương tự như việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của các cơ sở sản xuất, kinh doanh có số lượng CTNH phát sinh thấp hơn 600kg/năm.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tiếp nhận, tổng hợp và chuyển giao danh sách, địa chỉ, khối lượng chất thải nguy hại của các cụm cơ sở y tế, cơ sở sản xuất đăng ký xử lý cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại để xây dựng kế hoạch thu gom chất thải nguy hại và hoàn tất các hồ sơ giấy tờ có liên quan (chứng từ CTNH, hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH,...) theo quy định tại Khoản 3 Khoản 4 Điều 7 Thông tư số

36/2015/TT-BTNMT; phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý xây dựng lịch trình thu gom chất thải nguy hại.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường và quản lý chất thải của các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định;

- Hướng dẫn các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTNH đúng theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT và Kế hoạch này;

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí hàng năm từ nguồn sự nghiệp môi trường cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân giai đoạn 2018-2020.

4.2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc phân chia cụm cơ sở y tế vận chuyển, xử lý CTNH; xây dựng quy chế hoạt động cho các cụm cơ sở y tế và hướng dẫn các cơ sở y tế triển khai Kế hoạch này; tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động lưu trữ và chuyển giao chất thải y tế nguy hại tại các cụm cơ sở y tế; hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 15 tháng 12 hàng năm) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải nguy hại cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

4.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn; hướng dẫn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét có cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trong rác thải sinh hoạt và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

4.5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kinh phí hỗ trợ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH trong rác thải sinh hoạt và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

4.6. Sở Xây dựng

Thẩm định thiết kế cơ sở và cấp phép xây dựng các công trình y tế theo quy định tại Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

4.7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định, lựa chọn về công nghệ, thiết bị xử lý chất thải y tế đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4.8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý và chuyển giao chất thải nguy hại đối với các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của cấp huyện;

- Chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này;

- Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải nguy hại cho các cơ sở sản xuất thuộc địa bàn quản lý;

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn có khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung thực hiện xây dựng khu lưu giữ CTNH và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại khu xử lý; phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH để thu gom, xử lý triệt để CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ gia đình, cá nhân và thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

4.9. Các xã, phường, thị trấn

- Các xã, phường, thị trấn có khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung thực hiện xây dựng khu lưu giữ CTNH và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại khu xử lý; đối với các xã, phường, thị trấn không có khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung thực hiện quy hoạch địa điểm đặt khu vực lưu chứa và tổ chức triển khai xây dựng khu lưu giữ CTNH và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng bảo đảm theo quy định tại Phụ lục 2(A) Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

- Chỉ đạo đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện thu gom, phân loại CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ gia đình, cá nhân và thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các bể chứa trên đồng ruộng về khu lưu giữ CTNH.

- Lập báo cáo về số lượng, mã chất thải nguy hại phát sinh và đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường (trừ xã, phường, thị trấn tự ký hợp đồng) để thực hiện ký hợp đồng và chuyển giao CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt các hộ gia đình, cá nhân và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng cho các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Khoản 4 Điều 7

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Điểm a Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT để thu gom, vận chuyển, xử lý;

- Hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4.10. Các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất phát sinh chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;

- Thực hiện lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định Điều 12 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT; các đối tượng không phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH thì thực hiện đăng ký bằng báo cáo quản lý CTNH định kỳ;

- Chỉ được ký hợp đồng và chuyển giao chất thải nguy hại cho các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Điểm a Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT để thu gom, vận chuyển, xử lý; trường hợp thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo Kế hoạch này thì thực hiện đăng ký số lượng và chủng loại chất thải nguy hại cần xử lý với Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Chi trả toàn bộ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của mình cho đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại;

- Lập Sổ giao nhận chất thải nguy hại để theo dõi tên, số lượng, mã chất thải nguy hại, thời gian, đơn vị chuyển giao và nộp Chứng từ chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 và Khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;

- Cơ sở y tế được chỉ định là cụm trường có trách nhiệm bố trí khu tiếp nhận và lưu giữ chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế trong cụm bảo đảm đúng theo quy định tại Phụ lục 2(A) Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT; thực hiện xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý tại cơ sở nếu có đủ điều kiện theo quy định để xử lý cho cả cụm hoặc tiến hành ký hợp đồng chuyển giao với đơn vị có Giấy phép xử lý CTNH phù hợp theo quy định.

4.11. Trách nhiệm của đơn vị xử lý chất thải nguy hại

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP;

- Toàn bộ chất thải nguy hại sau khi thu gom phải được lưu giữ, vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng đúng theo quy định tại Khoản 1

Điều 12 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;

- Lập, sử dụng, lưu giữ và quản lý Chứng từ chất thải nguy hại đúng theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP;

- Tổ chức thu gom chất thải nguy hại đúng theo lịch trình của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./. *Thư*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, NNTMT *Thư*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Phạm Văn Xuyên


Phụ lục 1.
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI Y TẾ PHÁT SINH
 (Kèm theo Kế hoạch số 20 /KH-UBND ngày 13 /3/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Kg/năm

Loại chất thải rắn	Tổng lượng phát sinh	Lượng chất thải được xử lý			
		Bằng lò đốt Chuwastar-Nhật Bản	Bằng vi sóng, autoclave tại đơn vị	Thuê đơn vị xử lý	Xử lý thủ công (chôn lấp, đốt lò thủ công...) tại đơn vị chưa đảm bảo quy định
Tổng lượng chất thải lây nhiễm:	414.959	5.791	0	259.117	150.060
Loại A (CT sắc nhọn)	39.303	2.909	0	22.868	13.526
Loại B, loại C (CT lây nhiễm không sắc nhọn và CT nguy cơ lây nhiễm cao)	206.425	2.633	0	147.033	56.759
Loại D (CT giải phẫu)	167.155	249	0	87.131	79.775
Loại khác (Khi không phân biệt A,B,C,D)	245	0	0	254	0
Tổng lượng CT hoá học nguy hại	1.313	0	0	1.313	0
Tổng lượng CT phóng xạ	0	0	0	0	0
Tổng lượng bình chứa áp suất	518	0	0	518	0
Tổng lượng CT thông thường	2.260.346	504.306	0	1.129.829	626.211
CT sinh hoạt.	1.583.797	504.306	0	595.579	483.912
Chất Thải tái chế	676.549	0	0	534.250	142.299


Phụ lục 2
DANH MỤC CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI
(Kèm theo Kế hoạch số 20 /KH-UBND ngày 15 /3/2018 của UBND tỉnh)

1. Danh mục và mã chất thải lây nhiễm

Mã CTNH	Tên chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Ngưỡng CTNH
13 01 01	Chất thải lây nhiễm, gồm:		Rắn	
	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	Rắn	**
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	Rắn/lỏng	**
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	Rắn, lỏng	**
	Chất thải giải phẫu	LN	Rắn	**

2. Danh mục và mã chất thải nguy hại không lây nhiễm

Mã CTNH	Tên chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Ngưỡng CTNH
13 01 02	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn/Lỏng	*
13 01 03	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	Rắn/lỏng	**
13 01 04	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Đ	Rắn	**
13 03 02	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	Đ, ĐS	Rắn	**
	Chất thải nguy hại khác, gồm:			

16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Đ, ĐS	Rắn	**
16 01 08	Các loại dầu mỡ thải	Đ, ĐS, C	Rắn/Lỏng	**
16 01 12	Pin, ắc quy thải bỏ	Đ, ĐS, AM	Rắn	**
16 01 13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thải bỏ	Đ, ĐS	Rắn	**
18 01 01	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ.	Đ, ĐS	Rắn	*
18 01 04	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ, ĐS	Rắn	*
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải	Đ, ĐS	Rắn	*
12 01 05	Tro thải từ lò đốt chất thải rắn y tế	Đ	Rắn	*
10 02 03	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế	Đ, ĐS	Rắn	*

Chú thích:

- Đ: Độc, ĐS: Độc sinh học, C: Dễ cháy, AM: Ăn mòn, LN: Lây nhiễm;
- Ngưỡng “**”: luôn là chất thải y tế nguy hại trong mọi trường hợp.

Phụ lục 3
KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI NGUY HẠI TỪ CÁC HỘ GIA ĐÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số 20 /KH-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: tấn/ngày

STT	Huyện, thành phố	Khối lượng rác thải sinh hoạt trung bình	Khối lượng CTNH
1	TP Thái Bình	129,92	0,90
2	Quỳnh Phụ	69,57	0,48
3	Hung Hà	74,58	0,5
4	Đông Hưng	69,9	0,48
5	Thái Thụy	74,64	0,52
6	Tiền Hải	62,94	0,44
7	Kiến Xương	63,66	0,44
8	Vũ Thư	65,46	0,45
Tổng		620,00	4,34